

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/DS - PT

Ngày 17/11/2017

V/v “Tranh chấp Hợp đồng
khoán việc và đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Chí Thiện.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Khoa.

Bà Lù Làn Din.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17/11/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp Hợp đồng khoán việc và đòi lại tài sản” do bản án dân sự số 04/2017/DS-ST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P bị nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐ-PT ngày 30/10/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Tổ 11, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy N - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D - Sinh năm 1978 (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/9/2015).

HKTT: Tổ 1, thị trấn S, huyện S, thành phố H - Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh T

Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ - Luật sư Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai (Văn bản ủy quyền ngày 18/11/2015)

Địa chỉ: Số 051, Lý Đạo T, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa phúc thẩm: Ông Đặng Quốc H - Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai - Đề nghị xét xử vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V tỉnh Lào Cai.

5. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp V tỉnh Lào Cai (sau đây gọi tắt là Công ty Lâm nghiệp V) trình bày:

Ngày 16/10/2002, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai (Sở NN&PTNT tỉnh Lào Cai) đã ra quyết định số 180/QĐ-TC bàn giao cho Lâm trường V (nay là Công ty Lâm trường V) quản lý, kinh doanh nhà nghỉ Nông lâm nghiệp P (sau này là Nhà khách Lâm nghiệp P). Ngày 07/02/2007, Lâm trường V ra quyết định số 32/QĐ.LT về việc giao nhà khách Lâm nghiệp P cho ông Trần Thanh T quản lý kinh doanh. Ông T phải chịu toàn bộ trách nhiệm về hoạt động kinh doanh và các quy định của nhà nước về quản lý tài chính, trật tự xã hội... trong khu vực nhà nghỉ, tự trả lương cho người lao động và hàng tháng ông T có trách nhiệm đến phòng tài vụ của Lâm trường để thanh toán cụ thể; Nộp tiền khấu hao tài sản, tiền thuế, tiền thuê đất cho Lâm trường.

Ngày 18/01/2008 Lâm trường V ban hành quyết định số 11/QĐ.CT tiếp tục giao nhà khách cho ông T quản lý, ông T được phép huy động vốn, nhưng phải có nghĩa vụ nộp toàn bộ tiền thuê đất hàng năm cho nhà nước.

Ngày 03/8/2011, Công ty Lâm nghiệp V tiếp tục có quyết định số 73/QĐ.CT giao cho ông T quản lý, kinh doanh nhà khách Lâm nghiệp P, quy định rõ ông T có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất hàng năm.

Ông T thực hiện việc kinh doanh liên tục từ năm 2007 đến hết tháng 12/2015, ông T đã nộp tiền thuê đất năm 2010 nhưng từ năm 2011 đến nay ông T không nộp tiền thuê đất về cho công ty để nộp cho nhà nước. Công ty Lâm nghiệp V đã nộp toàn bộ khoản nợ tiền thuê đất và tiền thuế khác thay cho ông T, nay Công ty Lâm nghiệp V khởi kiện yêu cầu ông T phải trả toàn bộ số tiền

thuê đất và các khoản thuế khác mà công ty đã nộp thay là 1.271.490.103 đồng.

Bị đơn ông Trần Thanh T trình bày:

Ông Trần Thanh T thừa nhận được Công ty Lâm nghiệp V quyết định giao cho việc kinh doanh nhà khách Lâm nghiệp P, ông đã kinh doanh nhà khách Lâm nghiệp P từ năm 2007 đến tháng 11/2012 thì nhà khách được giao cho bà Nguyễn Thị H quản lý, kinh doanh. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T chỉ chấp nhận phải chịu tiền thuê đất tính từ tháng 4/2011 đến tháng 11/2012 theo quyết định số 73/QĐ-CT ngày 03/8/2011, còn các khoảng thời gian khác ông T không chịu trách nhiệm. Ngoài ra, ông T đề nghị được khấu trừ số tiền thuê đất đã nộp hộ cho công ty năm 2010 là 51.815.036 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai (Sở NN&PTNT tỉnh Lào Cai) trình bày:

Nhà khách Lâm nghiệp P tại trung tâm thị trấn P là tiền thân “Nhà quản lý Thủy nông khu vực phía tây”, năm 1998 được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp kinh phí đầu tư xây dựng, công trình hoàn thành năm 1999. Từ tháng 02/2000 đến năm 2001, khu nhà khách trên được Sở NN&PTNT tỉnh Lào Cai trông coi, bảo quản và sử dụng phục vụ các cuộc họp, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giữa các tỉnh, hội thảo, tập huấn chuyên đề các lĩnh vực về nông nghiệp thủy lợi, cấp nước, sinh hoạt nông thôn và phòng chống lụt bão. Ngày 16/10/2002 Sở NN&PTNT tỉnh Lào Cai đã ra quyết định số 180/QĐ-TC giao nhà khách cho Lâm trường V quản lý sử dụng. Vì vậy Sở NN&PTNT tỉnh Lào Cai không theo dõi hạch toán tài sản khu nhà khách trên, việc ông Trần Thanh T còn nợ tiền thuê đất đối với Công ty Lâm nghiệp V là bao nhiêu tiền thì Sở NN&PTNT tỉnh Lào Cai không nắm bắt được cụ thể.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền thuê đất từ năm 1996 đến năm 2001 và năm 2003 với tổng số tiền 81.283.400 đồng. Nguyên đơn chỉ yêu cầu ông T phải trả tiền thuê đất và các khoản thuế khác mà công ty đã nộp thay là 1.183.485.156 đồng.

Bản án sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 412, 501, 506 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 1 Điều 147, điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V về việc “Tranh chấp hợp đồng khoán việc”.

Buộc ông Trần Thanh T phải trả cho Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V số tiền thuế, tiền lãi suất do chậm nộp, tiền thuế còn nợ là 493.116.821 đồng (*Bốn trăm chín mươi ba triệu một trăm mười sáu nghìn tám trăm hai một đồng chẵn*).

Về án phí: Buộc ông Trần Thanh T phải chịu 23.725.000 đồng (*Hai mươi ba triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn*) tiền án phí sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V số tiền 25.070.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 07528 ngày 02/10/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Lào Cai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 28/8/2017, nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V tỉnh Lào Cai kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 10/8/2017 của TAND huyện P, đề nghị TAND tỉnh Lào Cai xem xét lại bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Thanh T phải trả đủ cho Công ty Lâm nghiệp V số tiền 1.183.485.156 đồng.

Ngày 11/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 18/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm đối với bản án số 04/2017/DS-ST ngày 10/8/2017 của TAND huyện P, đề nghị TAND tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm về phần giải quyết yêu cầu hoàn trả số tiền nợ tiền thuế kinh doanh Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V tỉnh Lào Cai đã nộp thay ông Trần Thanh T và sửa phần án phí, tuyên buộc Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V tỉnh Lào Cai giữ nguyên nội dung kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V tỉnh Lào Cai (gọi tắt là Công ty Lâm nghiệp V) trình bày có ban hành các Quyết định về việc giao cho ông Trần Thanh T quản lý, kinh doanh Nhà khách Nông - Lâm nghiệp P (sau là Nhà khách Lâm nghiệp P). Công ty Lâm nghiệp V cho rằng trong nội dung quyết định đó đã bao hàm cả việc ông T có nghĩa vụ nộp toàn bộ tiền thuê đất hàng năm cho nhà nước. Bị đơn ông Trần Thanh T cho rằng Quyết định số

32/QĐ.LT ngày 07/02/2007 của Lâm trường V và Quyết định số 11/QĐ.CT ngày 18/01/2008 của Công ty Lâm nghiệp V không có điều khoản nào quy định ông T có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất hàng năm cho nhà nước. Chỉ có Quyết định số 73/QĐ.CT ngày 03/8/2011 của Công ty Lâm nghiệp V mới quy định việc ông T phải nộp tiền thuê đất hàng năm. Như vậy, Tòa án sơ thẩm xác định giữa các bên có tranh chấp về hợp đồng khoán việc là có căn cứ. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu khởi kiện đòi lại toàn bộ số tiền thuê đất và các khoản thuế khác mà công ty đã nộp thay ông T nên cần phải xác định và giải quyết quan hệ pháp luật “kiện đòi lại tài sản”. Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng khoán việc” nhưng giải quyết cả quan hệ “đòi lại tài sản” là có sai sót. Vì vậy, cần phải xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng khoán việc và đòi lại tài sản”.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 88.004.947 đồng (trong đó: tiền thuê đất từ năm 1996 đến 2001 và năm 2003 là 81.283.400 đồng, tiền chậm nộp tính số nợ của năm 2003 là 6.721.547 đồng). Nguyên đơn chỉ yêu cầu ông T phải trả tiền thuê đất và các khoản thuế khác mà Công ty Lâm nghiệp V đã nộp thay là 1.183.485.156 đồng. Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cũng không yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét đối với khoản tiền này, vì vậy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn Công ty Lâm nghiệp V:

Ngày 07/02/2007, Giám đốc Lâm trường V (nay là Công ty Lâm nghiệp V) đã ban hành quyết định số 32/QĐ.LT về việc giao nhiệm vụ quản lý, kinh doanh nhà khách Nông Lâm nghiệp P cho ông Trần Thanh T. Ngày 18/01/2008, Giám đốc Công ty Lâm nghiệp V ban hành quyết định số 11/QĐ.CT về việc giao nhiệm vụ quản lý, dự án đầu tư xây dựng, sửa chữa cải tạo, nâng cấp nhà khách Nông Lâm nghiệp P và huy động vốn liên doanh liên kết cho ông Trần Thanh T. Tại Điều 2 của cả hai quyết định trên đều quy định ông T có nghĩa vụ như sau: *“Chịu trách nhiệm toàn bộ về hoạt động kinh doanh và các quy định của nhà nước về quản lý tài chính, trật tự xã hội... trong khu vực nhà nghỉ; Tự trả lương đối với nhân viên phục vụ trong nhà nghỉ (phải có HĐLĐ do Lâm trường ký). Hàng tháng ông Trần Thanh T có trách nhiệm đến phòng tài vụ Lâm Trường thanh toán cụ thể”*. Xét các quyết định trên của Công ty Lâm nghiệp V về việc giao cho ông T quản lý, kinh doanh nhà khách thời gian từ năm 2007 đến tháng 4/2011 không có điều khoản nào quy định cụ thể việc ông T có nghĩa vụ phải nộp tiền thuê đất hàng năm, phía nguyên đơn cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh việc này.

Ngày 03/8/2011, Công ty Lâm nghiệp V ban hành quyết định số 73/QĐ-CT về việc tiếp tục giao nhiệm vụ kinh doanh nhà khách P cho ông Trần Thanh T, tại Điều 2 của quyết định quy định cụ thể về nghĩa vụ của ông T trong đó quy định về các khoản ông T có nghĩa vụ phải nộp là *tiền thuê đất hàng năm, tiền thuế GTGT đầu ra phát sinh theo hóa đơn từng tháng, tiền khoán gọn 10.000.000đ/tháng (gồm các khoản chi phí, khấu hao TSCĐ, trang thiết bị tại nhà nghỉ của Công ty)*. Quyết định này có hiệu lực từ tháng 4/2011. Đến ngày 27/11/2012, Công ty ban hành quyết định số 92/QĐ-CTLN giao nhiệm vụ quản

lý kinh doanh nhà khách cho bà Nguyễn Thị H. Như vậy quyết định số 73/QĐ-CT ngày 03/8/2011 là căn cứ chứng minh việc ông T có nghĩa vụ phải nộp tiền thuê đất hàng năm cho nhà nước, nghĩa vụ này của ông T được thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 4/2011 đến trước ngày 27/11/2012. Bị đơn cũng tự nguyện chịu trách nhiệm về khoản tiền thuê đất trong thời gian này.

Vì vậy, nguyên đơn Công ty Lâm nghiệp V kháng cáo cho rằng ông T có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất hàng năm từ tháng 01/2007 đến hết tháng 9/2013 và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T có trách nhiệm hoàn trả lại cho công ty toàn bộ số tiền thuê đất còn nợ nhà nước là không có căn cứ. Tòa án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền thuê đất từ tháng 4/2011 đến tháng 11/2012 và tiền chậm nộp mà Công ty Lâm nghiệp V đã nộp thay ông T là có căn cứ. Cụ thể, tiền thuê đất từ tháng 4/2011 đến tháng 11/2012 mà ông T phải chịu là 289.524.375 đồng. Tiền lãi suất do chậm nộp tiền thuê đất là 0,05%/ngày (theo công văn số 39/CCT-TB&TK ngày 29/6/2015 của Chi cục thuế huyện P). Thời gian ông T phải chịu tiền lãi suất do chậm nộp thuế kể từ ngày 01/4/2011 đến hết ngày 27/11/2012 là 605 ngày = 87.581.010 đồng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn khấu trừ số tiền thuê đất ông T đã nộp thay cho Công ty Lâm nghiệp V năm 2010 là 51.815.036 đồng do đây là khoảng thời gian ông T không phải chịu tiền thuê đất nên được trừ vào số tiền thuê đất ông T phải chịu. Vì vậy ông T phải trả cho công ty Lâm nghiệp V số tiền thuê đất và tiền chậm nộp tổng cộng:

$$289.524.375 \text{ đồng} + 87.581.010 \text{ đồng} - 51.815.036 \text{ đồng} = 325.290.349 \text{ đồng}.$$

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai về phần giải quyết yêu cầu hoàn trả số tiền nợ tiền thuế kinh doanh mà Công ty Lâm nghiệp V đã nộp thay ông Trần Thanh T.

Theo công văn số 39/CCT-TB&TK ngày 29/6/2015 của Chi cục thuế huyện P, về khoản tiền thuế hoạt động kinh doanh và tiền chậm nộp thuế tính đến tháng 05/2015 của ông T là 167.826.472 đồng. Tuy nhiên theo bảng kê trong báo cáo tiền thuê đất và tiền chậm nộp của nhà khách Lâm nghiệp P có mục kê chi tiết về tiền thuế hoạt động kinh doanh của hộ ông T trong đó xác định số tiền thuế nợ và tiền chậm nộp trong hoạt động kinh doanh của ông T được khấu trừ một phần qua chi trả bồi thường và còn nợ lại một phần. Mặt khác, theo Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước thể hiện Công ty Lâm nghiệp V đã nộp thay ông T tiền thuế hoạt động kinh doanh còn nợ là 50.750.285 đồng + 28.891.080 đồng = 79.641.365 đồng. Trong đơn khởi kiện, Công ty Lâm nghiệp V cũng yêu cầu ông T có trách nhiệm hoàn trả lại cho công ty tổng số tiền 1.271.490.103 đồng, trong đó tiền thuê đất, tiền chậm nộp là 1.191.848.738 đồng, các khoản thuế khác là 79.641.365 đồng.

Như vậy số tiền thuế hoạt động kinh doanh của hộ ông Trần Thanh T mà Công ty Lâm nghiệp V đã nộp thay là 79.641.365 đồng. Ông T phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho công ty. Tòa án sơ thẩm không xem xét, đánh giá chứng cứ một cách toàn diện mà nhận định số tiền thuế hoạt động kinh doanh mà Công ty Lâm

nghiệp V đã nộp thay cho ông T là 167.826.472 đồng là chưa chính xác. Do đó kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai là có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, tổng cộng số tiền mà ông T phải hoàn trả cho Công ty Lâm nghiệp V bao gồm tiền thuê đất, tiền chậm nộp và tiền thuế hoạt động kinh doanh là:

325.290.349 đồng + 79.641.365 đồng = 404.931.714 đồng.

[5] Ngoài ra, theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì Chi cục thuế truy thu của Công ty Lâm nghiệp V tiền thuê đất hàng năm và tiền chậm nộp nhưng bản án xác định đây là khoản tiền thuế đất là chưa chính xác. Tại phần quyết định của bản án tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V là có sai sót vì tên đầy đủ của nguyên đơn là Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V tỉnh Lào Cai.

[6] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên nguyên đơn kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V tỉnh Lào Cai. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Lào Cai như sau:

Căn cứ vào các Điều 256, Điều 412, 501, 506 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 1 Điều 147, điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V tỉnh Lào Cai.

Buộc ông Trần Thanh T phải trả cho Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V tỉnh Lào Cai số tiền thuê đất, tiền lãi suất do chậm nộp và tiền thuế hoạt động kinh doanh mà công ty đã nộp thay là **404.931.714 đồng** (*Bốn trăm linh tư triệu chín trăm ba mươi một nghìn bảy trăm mười bốn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản

tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Thanh T phải chịu 20.197.300 đồng (*Hai mươi triệu một trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm đồng*).

Nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V tỉnh Lào Cai phải chịu 35.142.138 đồng (*Ba mươi lăm triệu một trăm bốn mươi hai nghìn một trăm ba mươi tám đồng*). Xác nhận Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V tỉnh Lào Cai đã nộp 25.070.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2012/07528 ngày 02/10/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Lào Cai. Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V tỉnh Lào Cai còn phải nộp 10.072.138 đồng (*Mười triệu không trăm bảy mươi hai nghìn một trăm ba mươi tám đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V tỉnh Lào Cai không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V tỉnh Lào Cai đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AB/2012/0000707 ngày 07/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Lào Cai. Số tiền này được giữ lại cơ quan thi hành án để khấu trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp V tỉnh Lào Cai phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Chí Thiện